

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 180/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 9 – 2025

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Duyên Văn Hiền

2. Bà Lê Trường An

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị R, sinh năm: 1996 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Anh Lê Hoàng M, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 22/7/2025, chị Lê Thị R trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hoàng M xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2009, đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị R cho rằng thời gian đầu vợ chồng đầm ấm, hạnh phúc nhưng về sau thì tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thường xuyên gây rối, cãi vã, cuộc sống không còn hạnh phúc, do anh M bỏ đi sống với người phụ nữ khác, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên chị và anh M mỗi người sống một nơi từ năm 2024 đến nay. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hoàng M.

- Về con chung: Chị R xác định giữa chị và anh M có 03 người con chung là Lê Khả V1, sinh ngày 18/12/2010, Lê Nhã V2, sinh ngày 01/01/2016 và Lê Triệu V3, sinh ngày 11/5/2021, hiện các con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hết 03 người con để ổn định tâm lý và cuộc sống, đồng thời chị yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con theo quy định của pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị R xác định giữa chị và anh M không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị R khai rằng giữa chị và anh M không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với Anh Lê Hoàng M vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Lê Thị R và anh Lê Hoàng M là tranh chấp về ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh Lê Hoàng M: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia xét xử vụ án, thông qua việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh M vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị Lê Thị R, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị R theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị R và anh Lê Hoàng M xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, gây rối, dẫn đến tình cảm sứt mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh, chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị R và anh M được gia đình hai bên động viên ở lại để anh, chị tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị R cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh M, vì anh M đã có người phụ nữ khác

nên tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị R được ly hôn anh M là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy các cháu: Lê Khả V1, sinh ngày 18/12/2010, Lê Nhã V2, sinh ngày 01/01/2016, đã trên 07 tuổi, Tòa án ghi nhận ý kiến các cháu thì nguyện vọng các cháu muốn được tiếp tục sống chung với chị R; cháu Lê Triệu V3, sinh ngày 11/5/2021 còn rất nhỏ, sống chung với hai chị lớn và chị R nên tình cảm, tâm lý, sự gắn bó, yêu thương, môi trường sống, học tập của các cháu đã ổn định. Vì vậy, tiếp tục giao các cháu cho chị R được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị R yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi các con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Thấy rằng, hiện tại chưa có căn cứ xác định việc làm và thu nhập của anh M, tuy nhiên, xét điều kiện lao động phổ thông, lao động tự do của anh M, mức sống, mức lương tối thiểu vùng, mức sinh hoạt thường ngày tại địa phương đối với một trẻ và theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Mức lương tối thiểu vùng hiện nay do Nhà nước quy định tại Nghị định 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ kèm theo Danh mục địa bàn vùng đối với xã Trần Văn Thờ là 3.860.000đ. Vì vậy, buộc anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Khả V1, Nhã V2, Triệu V3 mỗi tháng 1.500.000đ/01 người con là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Chị R xác định giữa chị và anh M không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị R khai rằng giữa chị và anh M không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị R về việc ly hôn anh Lê Hoàng M.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Khả V1, sinh ngày 18/12/2010, Lê Nhã V2, sinh ngày 01/01/2016 và Lê Triệu V3, sinh ngày 11/5/2021 cho chị Lê Thị R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Lê Hoàng M không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Hoàng M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Khả V1, Lê Nhã V2, Lê Triệu V3 mỗi tháng 1.500.000đ/01 người con. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Lê Thị R phải chịu 300.000đ. Ngày 22 tháng 7 năm 2025, chị R đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 11412 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

7. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc anh Lê Hoàng M phải chịu 300.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị R và anh Lê Hoàng M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hứa Minh Hải